

Số: 145 CT/CBTT

V/v: "Giải trình chênh lệch số liệu giữa
BCTC hợp nhất do đơn vị tự lập và
BCTC hợp nhất kiểm toán"

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty cổ phần Sông Đà 2 xin giải trình với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội về một vài số liệu thay đổi tại BCTC hợp nhất năm 2019 do Công ty cổ phần Sông Đà 2 lập và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 sau khi kiểm toán như sau:

I. Tại Bảng cân đối kế toán:

Chỉ tiêu thay đổi trên Bảng CĐKT	Số liệu trên Bảng CĐKT do đơn vị tự lập	Số liệu trên Bảng CĐKT sau khi được kiểm toán	Chênh lệch
(A)	(1)	(2)	(3)=(2)-(1)
Tổng tài sản	658.598.404.587	675.228.853.507	16.630.448.920
Các khoản phải thu ngắn hạn	320.542.037.575	332.704.822.243	12.162.784.668
Hàng tồn kho	276.192.962.238	280.914.012.381	4.721.050.143
Tài sản ngắn hạn khác	6.437.664.508	6.630.887.950	193.223.442
Đầu tư tài chính dài hạn	892.500.000	600.000.000	(292.500.000)
Tài sản dài hạn khác	8.754.831.340	8.600.722.007	(154.109.333)
Tổng nguồn vốn	658.598.404.587	675.228.853.507	16.630.448.920
Nợ ngắn hạn	464.672.234.739	465.639.483.017	967.248.278
Nợ dài hạn	21.835.576.364	21.676.956.364	(158.620.000)
Vốn khác của chủ sở hữu	11.443.105.769	7.389.630.601	(4.053.475.168)
Quỹ đầu tư phát triển	26.439.159.503	24.957.109.862	(1.482.049.641)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(25.731.439.568)	(4.374.094.117)	21.357.345.451

1. Tổng tài sản tăng 16.630.448.920 đồng, nguyên nhân:

- Các khoản phải thu ngắn hạn tăng 12.162.784.668 đồng do:
 - + Bù trừ phải thu ngắn hạn của khách hàng với tiền trả trước của khách hàng;
 - + Tăng phải thu khác do phân loại lại nợ phải thu khách hàng chuyển sang phải thu khác và tăng phải thu các đội thi công;
 - + Tăng trích lập dự phòng phải thu khó đòi.
- Hàng tồn kho tăng 4.721.050.143 đồng do hạch toán bổ sung chi phí thi công một số công trình đã phát sinh thực tế đến 31/12/2019.
- Tài sản ngắn hạn khác tăng 193.223.442 đồng do điều chỉnh chi phí trả trước dài hạn sang chi phí trả trước ngắn hạn và hạch toán tăng thuế GTGT đầu vào được khấu trừ.
- Đầu tư tài chính dài hạn giảm 292.500.000 đồng do tăng trích lập dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty cổ phần GSM.
- Tài sản dài hạn khác giảm 154.109.333 đồng do điều chỉnh chi phí trả trước dài hạn sang chi phí trả trước ngắn hạn.

2. Tổng nguồn vốn tăng 16.630.448.920 đồng, nguyên nhân:

- Nợ ngắn hạn tăng 967.248.278 đồng do giảm tiền ứng trước của người mua do bù trừ với phải thu khách hàng; Giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước; Tăng khoản trích trước chi phí thi công.
- Nợ dài hạn giảm 158.620.000 đồng do phân loại vay dài hạn sang vay ngắn hạn.
- Vốn khác của chủ sở hữu giảm 4.053.475.168 đồng; Quỹ đầu tư phát triển giảm 1.482.049.641 đồng; Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ trước tăng 5.535.524.809 đồng do điều chỉnh hồi tố bút toán điều chỉnh của kiểm toán viên năm 2017 liên quan đến loại trừ giao dịch hoán đổi cổ phiếu ảnh hưởng tới các quỹ Công ty thực hiện tháng 12 năm 2014.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng 21.357.345.451 đồng do:
 - + Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước tăng 5.872.742.304 đồng do điều chỉnh hồi tố bút toán điều chỉnh của kiểm toán viên năm 2017 liên quan đến loại trừ giao dịch hoán đổi cổ phiếu ảnh hưởng tới các quỹ Công ty thực hiện tháng 12 năm 2014; Loại trừ trích lập dự phòng phải thu khó đòi nội bộ; điều chỉnh khoản truy thu thuế TNCN và TNDN năm 2018 sang chi phí khác.

+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này tăng 15.484.603.147 đồng do giảm giá vốn hàng bán các công trình; tăng trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn; tăng chi phí khác do ghi nhận chi phí của dự án dừng triển khai và chi phí thuế TNCN, thuế TNDN truy thu năm 2018; giảm chi phí thuế TNDN hiện hành.

II. Tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Chỉ tiêu thay đổi trên Báo cáo KQKD	Số liệu trên Báo cáo KQKD do đơn vị tự lập	Số liệu trên Báo cáo KQKD sau khi được kiểm toán	Chênh lệch
(A)	(1)	(2)	(3)=(2)-(1)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(26.306.723.373)	(10.822.120.226)	15.484.603.147

- Lợi nhuận sau thuế TNDN tăng 15.484.603.147 đồng do giảm giá vốn hàng bán các công trình; tăng trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn; tăng chi phí khác do ghi nhận chi phí của dự án dừng triển khai và chi phí thuế TNCN, thuế TNDN truy thu năm 2018; giảm chi phí thuế TNDN hiện hành.

Các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh thay đổi dẫn đến một số chỉ tiêu trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ cũng chênh lệch và được điều chỉnh tương ứng.

Trên đây là giải trình của Công ty cổ phần Sông Đà 2 về một vài số liệu thay đổi tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 do đơn vị lập so với báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 do đơn vị kiểm toán phát hành. Công ty cổ phần Sông Đà 2 xin được báo cáo để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và các Quý cổ đông Công ty được biết.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VP, TCKT.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2



TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Văn Sơn